

Đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Sinh có đáp án mã đề 212

Đọc Tài Liệu chia sẻ đến các em [đề thi thử THPT Quốc gia 2020](#) môn Sinh trong bộ đề thi thử của trường THPT Lê Xoay tỉnh Vĩnh Phúc mã đề 212. Đề thi thử này sẽ giúp các em có thể nắm vững kiến thức để có chuẩn bị tốt cho kì thi THPT Quốc gia năm 2020.



Đề thi thử THPT Quốc gia môn Sinh năm 2020 mã đề 212

Bộ đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Sinh mã đề 212 có 40 câu hỏi trắc nghiệm dựa theo cấu trúc đề thi chính thức và bám sát chương trình học môn Sinh học THPT. Tài liệu có mục đáp án tại phần cuối của bài viết này, các em có thể sử dụng để so sánh kết quả làm đề thi thử.

Phần 1: Nội dung đề thi môn Sinh 2020

Câu 1: Có bao nhiêu thành tựu dưới đây là ứng dụng của công nghệ gen?

- (1). Tạo chủng vi khuẩn E.Coli sản xuất insulin người.
- (2). Tạo giống dưa hấu tam bội không có hạt, có hàm lượng đường cao.
- (3). Tạo giống bông và giống đậu tương mang gen kháng thuốc diệt cỏ của thuốc lá cảnh Petunia.
- (4). Tạo giống dâu tằm có năng suất cao hơn dạng lưỡng bội bình thường.
- (5). Tạo giống lúa “gạo vàng” có khả năng tổng hợp β -caroten (tiền vitamin A) trong hạt.
- (6). Tạo giống cây trồng lưỡng bội có kiểu gen đồng hợp về tất cả các gen.

A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

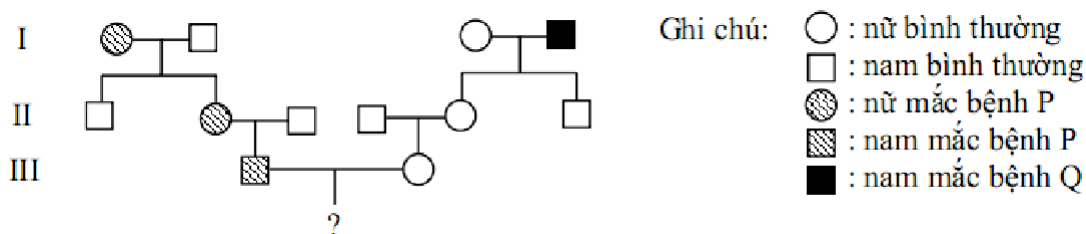
Câu 2: Bố mẹ bình thường sinh con đầu lòng bị bệnh mù màu. Kiểu gen của mẹ là

A. X^AX^A . B. X^AX^a . C. Aa. D. X^aY .

Câu 3: Để tạo giống mới mang đặc điểm của cả hai loài mà bằng cách tạo giống thông thường không thể tạo ra được, người ta sử dụng phương pháp nào?

- A. Nuôi cấy mô tế bào. B. Dung hợp tế bào trần.
C. Nuôi cấy hạt phấn. D. Gây đột biến và chọn lọc.

Câu 4: Cho sơ đồ phả hệ sau:



Bệnh P được quy định bởi gen trội (P) nằm NST thường; bệnh Q được quy định bởi gen lặn (q) nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X, không có alen tương ứng trên Y. Biết rằng không có đột biến mới xảy ra. Xác suất để cặp vợ chồng ở thế hệ thứ III trong sơ đồ phả hệ trên sinh con đầu lòng không mắc cả hai bệnh P, Q là

A. 37,5%. B. 43,75%. C. 56,25%. D. 87,5%.

Đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Sinh có đáp án mã đề 212

Câu 5: Ở một loài thực vật, gen A qui định tính trạng quả đỏ trội hoàn toàn so với gen a qui định tính trạng quả vàng. Cho cây có kiểu gen Aaaa giao phấn với cây có kiểu gen AAa, kết quả phân ly kiểu hình ở đời lai là

- A. 5 đỏ: 1 vàng. B. 3 đỏ: 1 vàng.
C. 35 đỏ: 1 vàng. D. 11 đỏ: 1 vàng.

Câu 6: Mọi quan hệ cạnh tranh là nguyên nhân dẫn đến

- A. sự tiến hóa của sinh vật.
B. sự suy giảm nguồn lợi khai thác của con người.
C. sự suy giảm đa dạng sinh học.
D. mất cân bằng sinh học trong quần xã.

Câu 7: Người ta thường dựa vào đặc trưng nào của quần thể để đánh giá và khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật?

- A. Cấu trúc nhóm tuổi. B. Mật độ của quần thể.
C. Tỷ lệ sinh sản. D. Sự biến động số lượng cá thể của quần thể.

Câu 8: Một gen được tách từ hệ gen của vi khuẩn có %A=20%. Trên phân tử mRNA tổng hợp từ gen này có %U_m=15%, %G_m=25%, X_m=490 nuclêôtit. Xác định số liên kết hidro của gen.

- A. 3640 liên kết. B. 4630 liên kết. C. 3460 liên kết. D. 4360 liên kết.

Câu 9: Bệnh hói đầu ở người do cặp gen Hh nằm trên NST thường quy định. Kiểu gen HH quy định hói ở cả nam và nữ, kiểu gen Hh quy định hói ở nam nhưng không hói ở nữ, kiểu gen hh quy định không hói. Một cặp vợ chồng đều không hói, bố vợ không bị hói, những người còn lại ở hai gia đình đều không hói. Tính xác suất họ sinh con không bị hói.

- A. 0%. B. 50,0%. C. 25,0%. D. 75,0%

Câu 10: Cho phép lai AaBbDDEe x AaBBDDdEe. Theo lý thuyết, xác suất cá thể mang kiểu hình trội ở cả 4 cặp tính trạng là

- A. 9/64. B. 9/16. C. 9/32. D. 9/128.

Câu 11: Nguyên nhân xảy ra cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần xã là

- A. do nguồn sống không cung cấp đủ cho tất cả các cá thể.
 B. do tất cả các cá thể đó có ô sinh thái trùng lên nhau hoàn toàn.
 C. do môi trường thay đổi không ngừng.
 D. do các loài có nơi ở giống nhau.

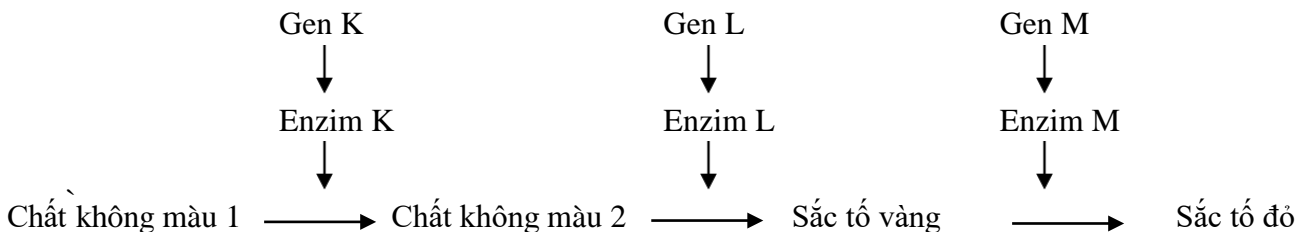
Câu 12: Nhân tố nào trong các nhân tố sau đây làm biến đổi tần số alen của quần thể nhanh nhất qua các thế hệ?

- A. Đột biến số lượng NST. B. Đột biến gen.
 C. Chọn lọc tự nhiên. D. Sự di cư (xuất cư) của các cá thể.

Câu 13: Điều kiện nghiệm đúng của định luật phân li độc lập của Mendel là

- A. Mỗi tính trạng do một cặp gen quy định và nằm trên các cặp NST tương đồng khác nhau.
 B. Các gen quy định tính trạng khác nhau cùng nằm trên một cặp NST và di truyền cùng nhau.
 C. Xảy ra sự trao đổi chéo giữa các gen tương ứng trên cặp NST kép tương đồng.
 D. Các sản phẩm của gen tương tác với nhau và cùng quy định một tính trạng.

Câu 14: Ở một loài hoa, xét ba cặp gen phân li độc lập, các gen này quy định các enzym khác nhau cùng tham vào một chuỗi phản ứng hóa sinh để tạo nên sắc tố ở cánh hoa theo sơ đồ sau:



Các alen lặn đột biến k, l, m đều không tạo ra được các enzym K, L và M tương ứng. Khi các sắc tố không được hình thành thì hoa có màu trắng. Cho cây hoa đỏ đồng hợp tử về cả ba cặp gen giao phấn với cây hoa trắng đồng hợp tử về ba cặp gen lặn, thu được F₁. Cho các cây F₁ giao phấn với nhau, thu được F₂. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lý thuyết, trong tổng số cây thu được ở F₂, số cây hoa trắng chiếm tỉ lệ

- A. 7/16. B. 9/64. C. 37/64. D. 9/16.

Câu 15: Xét một tế bào sinh tinh có kiểu gen AaBb giảm phân bình thường. Có bao nhiêu nhận định dưới đây đúng?

- (1) Thực tế khi kết thúc giảm phân sẽ tạo được 4 loại giao tử với tỉ lệ bằng nhau.
 (2) Tế bào kết thúc giảm phân sẽ tạo ra 4 tinh trùng.
 (3) Thực tế, kết thúc giảm phân chỉ tạo ra 2 loại giao tử có kiểu gen khác nhau.
 (4) Theo lý thuyết, tỉ lệ giao tử có kiểu gen AB là 1/2.

- A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 16: Cho một số ví dụ về các cơ chế cách ly sinh sản dưới đây:

1. Ngựa vằn phân bố ở châu Phi nên không giao phối với được với ngựa hoang phân bố ở Trung Á.
2. Cừu có thể giao phối với dê, có thụ tinh tạo thành hợp tử nhưng hợp tử chết ngay.
3. Lừa giao phối với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản.
4. Cá cây khác loài có cấu tạo hoa khác nhau nên hạt phấn của loài cây này thường không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

Những ví dụ nào trên đây là biểu hiện của cách li sau hợp tử?

- A. 1,2. B. 2,3. C. 1,4. D. 3,4.

Câu 17: Quần thể có kích thước dưới mức tối thiểu sẽ

- A. khai thác được nhiều nguồn sống do môi trường có nguồn sống dồi dào.
- B. chống chịu với những thay đổi của môi trường tốt hơn do thức ăn và chỗ ở dồi dào.
- C. chống chịu với những thay đổi của môi trường kém, khả năng sinh sản suy giảm, quần thể dễ bị diệt vong.
- D. cạnh tranh giữa các cá thể không xảy ra nên số lượng cá thể tăng lên nhanh chóng.

Câu 18: Gen A có 3600 liên kết hidro, %A-%X=10%. Gen A đột biến thành gen a do đột biến làm mất 1 đoạn ADN dài $102A^0$. Trong đoạn ADN bị mất có A=X. Xác định số nuclêôtit của gen đột biến.

- A. A=T=900, G=X=600.
- B. A=T=600, G=X=900.
- C. A=T=585, G=X=885.
- D. A=T=885, G=X=585.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Chọn lọc tự nhiên không đào thải hoàn toàn các gen lặn gây chết ra khỏi quần thể giao phối.
- B. Theo quan điểm hiện đại, chọn lọc tự nhiên là sự phân hoá khả năng sinh sản của các cá thể có kiểu gen khác nhau trong quần thể.
- C. Chọn lọc tự nhiên đào thải hoàn toàn các gen trội gây chết khỏi quần thể chỉ sau một thế hệ.
- D. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố trực tiếp tạo ra những kiểu gen thích nghi với môi trường.

Câu 20: Một quần thể động vật, ở thế hệ xuất phát (P) có thành phần kiểu gen ở giới cái là $0,16AA : 0,48Aa : 0,36aa$; ở giới đực là $0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa$. Biết rằng quần thể không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa. Sau một thế hệ ngẫu phối thì thế hệ F_1

- A. sẽ đạt trạng thái cân bằng di truyền.
- B. có kiểu gen dị hợp tử chiếm tỉ lệ 52%.
- C. có kiểu gen đồng hợp tử trội chiếm tỉ lệ 16%.
- D. có kiểu gen đồng hợp tử lặn chiếm tỉ lệ 25%.

Câu 21: Enzim sử dụng để cắt đoạn ADN từ tế bào cho và ADN plasmit tạo ADN tái tổ hợp là

- A. ARN-polimeraza.
- B. ADN-polimeraza.
- C. ligaza.
- D. restrictaza.

Câu 22: Có bao nhiêu cấu trúc di truyền của các quần thể dưới đây đạt trạng thái cân bằng di truyền. Biết rằng các quần thể đều là ngẫu phối và không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa.

- (1). 100% các cá thể của quần thể có kiểu hình lặn.
- (2). 100% các cá thể của quần thể có kiểu gen dị hợp.
- (3). 100% các cá thể của quần thể có kiểu gen đồng hợp trội.
- (4). $xAA+yAa+zaa=1$ với $(y/2)^2=x^2.z^2$.
- (5). $0,49AA : 0,42Aa : 0,09aa$.
- (6). $0,5AA : 0,25Aa : 0,25aa$.

- A. 4.
- B. 5.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 23: Cho phép lai P: ♀ AaBbDd × ♂ AaBbdd. Trong quá trình giảm phân hình thành giao tử đực, ở một số tế bào, cặp nhiễm sắc thể mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I; giảm phân II diễn ra bình thường. Quá trình giảm phân hình thành giao tử cái diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, phép lai trên tạo ra F_1 có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen?

- A. 56.
- B. 24.
- C. 42.
- D. 18.

Câu 24: Hệ tuần hoàn hở thường chỉ phù hợp với động vật có kích thước nhỏ và hoạt động ít vì

- A. kích thước tim nhỏ hoạt động yếu.
- B. tốc độ dòng máu chậm, áp lực máu thấp.
- C. nhu cầu năng lượng của chúng thấp.
- D. hệ tuần hoàn hở không có mao mạch.

Câu 25: Cho các đặc điểm của thực vật:

- (1) Các tế bào lá có 2 loại lục lạp.
- (2) Điểm bù CO_2 thấp.
- (3) Điểm bão hoà ánh sáng thấp.
- (4) Cường độ quang hợp thấp.
- (5) Năng suất sinh học cao.
- (6) Xảy ra hô hấp sáng mạnh.

Các đặc điểm sinh lý có ở những thực vật C_4 là

- A. (3), (5), (6).
- B. (1), (3), (6).
- C. (2), (4), (5).
- D. (1), (2), (5).

Câu 26: Đặc điểm nào của thực vật giúp chúng tăng diện tích bề mặt hấp thụ nước và muối khoáng lên cao nhất?

- A. Rễ ăn sâu, lan rộng trong đất.
- B. Rễ có phản ứng hướng nước dương.
- C. Rễ có số lượng lông hút lớn.
- D. Tế bào lông hút ở rễ có thành mỏng.

Câu 27: Khi nào quần thể tăng trưởng theo tiềm năng sinh học?

- A. Môi trường có nguồn sống dồi dào, có đủ thức ăn, nơi ở, ít loài cạnh tranh.

B. Môi trường có số lượng ít loài, không có loài ăn thịt.

- C. Môi trường trống trơn khi có duy nhất 1 quần thể phát tán tới.
- D. Môi trường có ít loài cạnh tranh.

Câu 28: Nhận định nào sau đây **không** đúng?

- A. Sự điều hoà đường huyết do hoocmôn insulin và glucagon quy định.
- B. Sau khi lao động nặng, thể dục thể thao kéo dài thì đường huyết tăng.
- C. Khi áp suất thẩm thấu của máu tăng sẽ tăng cảm giác khát nước.
- D. Ăn mặn kéo dài dễ dẫn đến bị bệnh cao huyết áp.

Câu 29: Theo quan niệm thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tất cả các biến dị sinh vật đều là nguyên liệu của chọn lọc tự nhiên.
- B. Thường biến không có vai trò gì với tiến hóa vì thường biến không di truyền.
- C. Tất cả các biến dị đều di truyền nên đều là nguyên liệu của chọn lọc tự nhiên.
- D. Tất cả các biến dị di truyền đều là nguyên liệu của chọn lọc tự nhiên.

Câu 30: Quá trình hình thành loài mới ở trên các đảo thường diễn ra nhanh hơn vùng lục địa vì

- A. chọn lọc tự nhiên diễn ra chậm.
- B. lai xa không thực hiện được.
- C. có sự cách li địa lí hoàn toàn.
- D. đột biến khó tồn tại trong quần thể.

Câu 31: Trong cơ chế điều hoà hoạt động của gen ở sinh vật nhân sơ, gen điều hoà có vai trò nào sau đây?

- A. Mang thông tin qui định enzym ARN-polimeraza.
- B. Là vị trí tiếp xúc với enzym ARN-polimeraza.
- C. Mang thông tin qui định prôtêin ức chế.
- D. Là vị trí liên kết với prôtêin ức chế.

Câu 32: Hai quần thể A và B khác loài sống trong cùng một khu vực địa lí và có các nhu cầu sống giống nhau, xu hướng biến động cá thể khi xảy ra cạnh tranh là:

- (1). Cạnh tranh gay gắt làm 1 loài sống sót, 1 loài bị diệt vong.
- (2). Nếu 2 loài khác bậc phân loại, loài nào tiến hoá hơn sẽ chiến thắng, tăng số lượng cá thể.
- (3). Hai loài vẫn tồn tại nhưng phân thành các ổ sinh thái khác nhau về thức ăn, nơi ở.
- (4). Loài nào sinh sản nhanh hơn, kích thước cơ thể lớn hơn, số lượng nhiều hơn sẽ chiến thắng, tăng số lượng. Còn loài kia bị diệt vong.

Tổ hợp các ý đúng là:

- A. (2), (3).
- B. (2), (4).
- C. (1), (2).
- D. (1), (4).

Câu 33: Các bất thường nào sau đây ở người có nguyên nhân do đột biến gen?

- A. Hội chứng Đào, bệnh bạch cầu ác tính.
- B. Hội chứng Tơcnơ, hội chứng hồng cầu hình liềm.
- C. Hội chứng Claiphentơ, tật dính ngón tay số 2, 3.
- D. Bệnh bạch tạng, bệnh mù màu.

Câu 34: Số lượng cá thể của quần thể biến động là do

- A. quần thể luôn có xu hướng tự điều chỉnh.
- B. điều kiện môi trường thay đổi có tính chu kì.
- C. các cá thể trong quần thể luôn cạnh tranh với nhau.
- D. những thay đổi của nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh.

Câu 35: Ở một loài thực vật, tính trạng màu sắc hoa do một cặp gen quy định, tính trạng hình dạng quả do một cặp gen khác quy định. Cho cây hoa đỏ, quả tròn thuần chủng giao phấn với cây hoa vàng, quả bầu dục thuần chủng (P), thu được F₁ gồm 100% cây hoa đỏ, quả tròn. Cho các cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂ gồm 4 loại kiểu hình, trong đó cây hoa đỏ, quả bầu dục chiếm tỉ lệ 9%. Biết rằng, trong quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái đều xảy ra hoán vị gen với tần số như nhau. Trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng với phép lai trên?

- (1) F₂ có 9 loại kiểu gen.
- (2) F₂ có 5 loại kiểu gen cùng quy định kiểu hình hoa đỏ, quả tròn.
- (3) Ở F₂, số cá thể có kiểu gen giống kiểu gen của F₁ chiếm tỉ lệ 20%.
- (4) F₁ xảy ra hoán vị gen với tần số 20%.

- A. 4.
- B. 1.
- C. 2.
- D. 3.

Câu 36: Phân tích thành phần nucleôtit của 3 chủng virut thu được.

Chủng A: A=U=20%; G=X=30%

Chủng B: A=T=20%; G=X=30%

Chủng C: A=G=20%, T=X=30%. Kết luận nào sau đây đúng?

- A. Vỏ của virut chủng A chứa ARN, vỏ của virut chủng C chứa ADN 1 mạch.
- B. Lõi của virut chủng B chứa ADN 2 mạch, lõi của virut chủng C chứa ADN 1 mạch.
- C. Lõi của virut chủng A và virut chủng C chứa ARN.
- D. Vật chất di truyền của cả 3 virut chủng A, B, C đều là ADN.

Câu 37: Quần thể nào dưới đây thường có kích thước quần thể lớn nhất.

- A. Quần thể voi rừng.
- B. Quần thể chuột thảo nguyên.
- C. Quần thể ngựa vằn.
- D. Quần thể trâu rừng.

Câu 38: Cho phép lai giữa 2 cá thể ruồi có kiểu gen ♀ $AB/ab Dd$ x ♂ $Ab/aB Dd$. Biết mỗi gen qui định 1 tính trạng nằm trên NST thường và hoán vị gen chỉ xảy ra ở ruồi cái với $f=18\%$. Tính theo lí thuyết, xác suất thu được kiểu hình trội về cả 3 tính trạng ở ruồi F_1 là bao nhiêu?

- A. 37,500%.
- B. 52,875%.
- C. 49,475%.
- D. 56,250%..

Câu 39: Khi nói về đột biến gen, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (1) Đột biến thay thế một cặp nuclêôtit luôn dẫn đến kết thúc sớm quá trình dịch mã.
 - (2) Đột biến gen tạo ra các alen mới làm phong phú vốn gen của quần thể.
 - (3) Đột biến điểm là dạng đột biến gen liên quan đến một số cặp nuclêôtit.
 - (4) Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính đối với thể đột biến.
 - (5) Mức độ gây hại của alen đột biến phụ thuộc vào tổ hợp gen và điều kiện môi trường.
- A. 1.
 - B. 4.
 - C. 2.
 - D. 3.

Câu 40: Tại vùng chín của một cơ thể đực có kiểu gen $AabbCc DE/de$ tiến hành giảm phân hình thành giao tử. Biết quá trình giảm phân xảy ra bình thường và có $1/3$ số tế bào xảy ra hoán vị gen. Theo lí thuyết, số lượng tế bào sinh dục chín tối thiểu tham gia giảm phân để thu được số loại giao tử tối đa mang các gen trên là

- A. 8.
- B. 16.
- C. 12.
- D. 24.

.....HẾT.....

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Câu	Mã đề 132
1	C
2	B
3	B
4	B
5	D
6	A
7	A
8	A
9	D
10	B
11	A
12	C
13	A
14	A
15	A
16	B
17	C
18	D
19	D
20	B
21	D
22	C
23	C
24	B
25	D
26	C
27	A
28	B
29	D
30	C
31	C
32	A
33	D
34	D
35	C
36	B
37	B
38	A
39	D
40	C

Trên đây là bộ [đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Sinh](#) có đáp án Mã đề 212 của trường THPT Lê Xoay tỉnh Vĩnh Phúc sẽ giúp các em ôn tập lại các kiến thức đã học và chuẩn bị cho kì kiểm tra THPT sắp tới.